

## HƯỚNG DẪN

### V/v xác định trình độ tiếng Anh của viên chức UEH

Nhằm thống nhất trong việc xác định trình độ tiếng Anh (theo khung châu Âu - CEFR) của công chức, viên chức, người lao động UEH (sau đây gọi tắt là viên chức) để đánh giá kết quả thực hiện công việc, Trường hướng dẫn xác định trình độ tiếng Anh như sau:

#### 1. Căn cứ xác định trình độ

UEH công nhận các loại văn bằng, chứng chỉ sau để xác định trình độ tiếng Anh của viên chức:

- Văn bằng (trình độ chuyên môn);
- Văn bằng (đại học, sau đại học) ngành Ngôn ngữ Anh;
- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế;
- Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do UEH, các cơ sở giáo dục đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận cấp (Danh sách theo Phụ lục 1).

#### 2. Cách xác định trình độ

##### 2.1. Xác định theo văn bằng

UEH công nhận trình độ tiếng Anh của viên chức theo học vị cao nhất được ghi trên văn bằng chuyên môn cụ thể như sau:

- Tiến sĩ: Trình độ tiếng Anh mức B2;
- Thạc sĩ: Trình độ tiếng Anh mức B1;
- Cử nhân: Trình độ tiếng Anh mức A2;
- Cử nhân cao đẳng: Trình độ tiếng Anh mức A1;
- Các học vị thấp hơn không được xác định trình độ tiếng Anh theo CEFR;
- Viên chức học, viết và bảo vệ luận văn/luận án bằng tiếng Anh được công nhận trình độ tiếng Anh mức C1;
- Viên chức có văn bằng ngành Ngôn ngữ Anh được công nhận trình độ tiếng Anh mức C2.

##### 2.2. Xác định theo chứng chỉ ngoại ngữ

- Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được công nhận và mức quy đổi sang khung châu Âu được quy định tại Phụ lục 2;

- Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được công nhận trình độ theo chứng chỉ. Mức quy đổi sang khung châu Âu được quy định tại Phụ lục 3.

### 3. Điều kiện công nhận trình độ cao hơn

Viên chức được công nhận trình độ tiếng Anh cao hơn trình độ đang được UEH công nhận khi:

- Nộp văn bằng ngành Ngôn ngữ Anh;
- Nộp chứng chỉ ngoại ngữ (theo quy định tại Mục 2.2.) còn hiệu lực có trình độ cao hơn;
- Đạt trình độ cao hơn trong kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh hằng năm của UEH<sup>1</sup>.

### 4. Văn bằng không được công nhận

Văn bằng ngành Ngôn ngữ Anh được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong nước chưa hoàn thành báo cáo tự đánh giá, chưa kiểm định theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm tốt nghiệp<sup>2</sup> hoặc cơ sở đào tạo nước ngoài chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng.

### 5. Tổ chức thực hiện

- Hướng dẫn có hiệu lực kể từ ngày ký;
- Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Nhân sự để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Các đơn vị, viên chức thuộc UEH;
- Portal UEH;
- Lưu: VT, NHSU.



GS.TS. Nguyễn Đông Phong

<sup>1</sup> Kết quả kiểm tra chỉ có hiệu lực đối với kỳ đánh giá kết quả thực hiện công việc của năm kiểm tra.

<sup>2</sup> Danh sách các cơ sở đào tạo đã được kiểm định, tra cứu tại địa chỉ: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx>.



## Phụ lục I

### DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM<sup>3</sup>

Stt	Tên cơ sở giáo dục
1.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	Trường Đại học Hà Nội
3.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
4.	Đại học Thái Nguyên
5.	Trường Đại học Vinh
6.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
7.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
8.	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
9.	Trung tâm SEAMEO RETRAC
10.	Trường Đại học Cần Thơ

<sup>3</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông báo Kết luận số 826/TB-BGDĐT ngày 5/8/2011; số 896/TB-BGDĐT ngày 24/8/2011; số 42/TB-BGDĐT ngày 11/1/2013.



**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
**VÀ MỨC QUY ĐỔI SANG KHUNG CHÂU ÂU**

**Score Comparisons of  
English Exams**

IELTS	TOEFL iBT	TOEFL PBT	Cambridge ESOL	Cambridge BEC	Cambridge BULATS	TOEIC	SAT Read + Writing	ACT Read + Writing	U Michigan	GRE Verbal	CEF	PTE Academic	AUEPS
9	115-120	655-677	CPE - A			950-990	770-800	34-36	ECPE - A 'Honors'	700-800	C2	85-90	
8	105-115	610-655	CPE - B		85-90	900-950	650-770	31-34	ECPE - B 'Pass'	600-700	C2	72-84	28-30
7.5	95-105	590-610	CPE - C CAE - A	Higher - Grade A	80-85	840-900	650	30	ECPE - C 'Low Pass'	550-600	C2	66-72	26
7	90-95	575-590	CAE - B	Higher-B	80	780-840	620	28	ECCE - A 'High Pass'	550	C1	60-65	24
6.5	80-90	550-575	CAE - C	Higher-C Vantage-A	75	735-780	590	26	ECCE - B 'Pass'	500	C1	55-60	22
6	72-80	520-550	FCE - A	Vantage-B	70	685-735	550	22	ECCE - C 'Low Pass'	450 *275-400	B2	50-55	20
5.5	65-72	510-520	FCE - B	Vantage-C	65	600-650	± 500 *350-400	20 15	ECCE - C	*None	B2	46-50	18
5	60-65	490-510	FCE - C	Vantage-B1 Prelim-Merit	60	550-600	450 *270-350	18 *8-13	ECCE - D 'Borderline Fail'		B1	44-45	16
4.5	50-60	475-490	PET - Merit	Prelim-Pass	50	450-550	400 *200-270	15 *8	ECCE - D		B1	41-43	14
4	42-50	435-475	PET - Pass	Prelim - A2 Cert	40	400-450	*None	*None	ECCE - E 'Fail'		A2	38-40	12
3	30-40	395-420	KET - Pass	Prelim - A2 Cert	30	250-350					A2	33-37	8
2	20-25	350-375				200-250					A1	29-33	4

Data is based on a variety of universities' admission department standards and on what the test-makers themselves consider to be equivalent; wherever there is disagreement, the opinion of universities has been given greater weight. \*This represents the likely score of a non-native speaker if he were to take this exam. The upper number represents what the score should be in theory/for a native-speaker. A non-native speaker below a level 6 IELTS/70 iBT/520 PBT in English ability can be expected to do poorly on verbal sections of the SAT or ACT (required by U.S. universities, which also include math sections.) Similarly, anyone below this level of English should not attempt to take the GRE.



**Phụ lục III**  
**MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH GIỮA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**  
**VIỆT NAM VÀ KHUNG THAM CHIẾU CHUNG CHÂU ÂU<sup>4</sup>**

KNLNNVN		CEFR
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

<sup>4</sup> Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.